

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 5 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đỗ Thanh Tú**

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Kh**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Kim Đ**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn Kh trình bày:

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, được sự thống nhất của gia đình hai họ, anh chị nên vợ chồng vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh chị không có tiếng nói chung, tình cảm gia đình ngày càng lợt lạt, cách đây khoảng 02 năm, chị Đ bỏ nhà ra đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù, bản thân anh chị và hai bên gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh xét thấy, hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc, đời

sống hôn nhân không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không còn tình cảm với chị Đ và không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân hiện tại. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim Đ.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trần Minh Th, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1996; Trần Hoàng Kh1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999 và Trần Bé Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Hiện nay, cháu Th, cháu Kh1 và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Kim Đ trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 09/5/2024 của Tòa án:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Kh về thời gian kết hôn, về việc không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân hơn 03 năm nay, cuộc sống hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Do đó, chị đồng ý ly hôn với anh Trần Văn Kh.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trần Minh Th, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1996; Trần Hoàng Kh1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999 và Trần Bé Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Hiện nay, cháu Th, cháu Kh1 và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn Kh nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim Đ. Khi khởi kiện, chị Đ cư trú tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Kim Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Kh và chị Đ tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của anh Kh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Kh và chị Đ, anh Kh yêu cầu được ly hôn với chị Đ. Chị Đ thống nhất với lời trình bày của

anh Kh, chị đồng ý ly hôn với anh Kh. Xét thấy, do anh Kh và chị Đ không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Anh Kh và chị Đ có ba con chung là Trần Minh Th, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1996; Trần Hoàng Kh1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999 và Trần Bé Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Hiện nay, cháu Th, cháu Kh1 và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, anh Kh và chị Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh Kh và chị Đ đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Văn Kh phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Kh và chị Đ có ba con chung là Trần Minh Th, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1996; Trần Hoàng Kh1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999 và Trần Bé Nh, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Hiện nay, cháu Th, cháu Kh1

và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, anh Kh và chị Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh Kh và chị Đ đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Kim Đ thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn Kh phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012989 ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Anh Trần Văn Kh đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm